

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VÀ TIỆN ÍCH TÒA NHÀ

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VÀ TIỆN ÍCH TÒA NHÀ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TECHNICAL SERVICES AND BUILDING UTILITY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108334840

3. Ngày thành lập: 25/06/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 12A – BT2 X2 KĐT Bắc Linh Đàm – đường Nguyễn Hữu Thọ , Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0963 878 700

Fax:

Email: vuthanhhoa107@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
2.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
3.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
4.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
5.	In ấn	1811
6.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
7.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
8.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
9.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
10.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
11.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
12.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
13.	Phá dỡ	4311
14.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
15.	Bán buôn thực phẩm	4632
16.	Bán buôn đồ uống	4633
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
19.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711

20.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
21.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
22.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
23.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
24.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
25.	Lập trình máy vi tính	6201
26.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
27.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
28.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
29.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
30.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
31.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Không bao gồm hoạt động đấu giá, tư vấn chứng khoán	7490
32.	Điều hành tua du lịch	7912
33.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
34.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
35.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
36.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
37.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
38.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
39.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
42.	Cơ sở lưu trú khác	5590
43.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
44.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
45.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110

46.	Cho thuê xe có động cơ	7710
47.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
48.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
49.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
50.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
51.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp Chi tiết: Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư.	8110(Chính)
52.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
53.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
54.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
55.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
56.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
57.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
58.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
59.	Thu gom rác thải độc hại	3812
60.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
61.	Xây dựng nhà các loại	4100
62.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
63.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm hoạt động dò mìn, nổ mìn).	4312
64.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
65.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
66.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
67.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới.	4610
68.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
69.	Bán buôn tổng hợp	4690
70.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
71.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
72.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
73.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
74.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
75.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, siêu thị và các loại hình du lịch.	5510
76.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
77.	Đại lý du lịch	7911
78.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
79.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

80.	Quảng cáo	7310
81.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
82.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
83.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6329

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHAN LÊ QUANG	301 D2 TT Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	66.000	660.000.000	33,000	001072000726	
			Tổng số	66.000	660.000.000	33,000		
2	LỤC MINH HOÀN	12A – BT2 X2 KĐT Bắc Linh Đàm – đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	66.000	660.000.000	33,000	011670157	
			Tổng số	66.000	660.000.000	33,000		
3	VŨ THANH HOA	Ngã 4, phố Cầu Treo, Xã Tân Lập, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	68.000	680.000.000	34,000	145047053	
			Tổng số	68.000	680.000.000	34,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ THANH HOA**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: *10/07/1981*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *145047053*

Ngày cấp: *03/08/2011*

Nơi cấp: *Công an Tỉnh Hưng Yên*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Ngã 4, phố Cầu Treo, Xã Tân Lập, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P502, nhà B, Tòa nhà Vinaconex I, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội